

XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ GIỐNG CÂY ĂN QUẢ ÔN ĐỚI NHẬP NỘI tại huyện Kỳ Sơn

■ Nguyễn Thị Ngọc⁽¹⁾, Nguyễn Văn Sơn⁽¹⁾, Hồ Bá Ai⁽²⁾



I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, đời sống nhân dân ngày một nâng cao, nhu cầu của người dân sử dụng nông sản hàng hóa, nhất là cây ăn quả và các sản phẩm từ cây ăn quả, ngày một nhiều. Tuy nhiên, khả năng cung cấp sản phẩm về cây ăn quả nói chung và cây ăn quả ôn đới nói riêng của nước ta còn rất nhiều hạn chế, chủ yếu được nhập từ Trung Quốc và các vùng lân cận. Theo điều tra, các loại cây ăn quả ôn đới chủ yếu được trồng ở các tỉnh miền núi phía Bắc và ở Đà Lạt là chủ yếu.

Ở Nghệ An, huyện Kỳ Sơn là vùng có nhiều tiềm năng đất đai, có vùng tiểu khí hậu, mùa đông khá lạnh, mùa hè mát. Tại đây có lợi thế phát triển cây ăn quả ôn đới như đào, mận, mơ, dâu tây, lê... với yêu cầu đơn vị lạnh khác nhau. Đáng chú ý là cây mận tam hoa, một trong những loại cây thay thế cây thuốc phiện bắt đầu cho lượng quả đáng kể. Những chủng loại này được người dân trồng từ rất lâu đời, tuy nhiên đang trồng theo kinh nghiệm, tự phát, chưa có cơ sở khoa học nên còn nhiều hạn chế: bộ giống địa phương đang dần thoái hóa, chưa xác định

⁽¹⁾ Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN; ⁽²⁾ Hợp tác xã Bảo tồn và Phát triển cây đào Mường Lống

đơn vị lạnh từng vùng sản xuất làm cơ sở nhập giống mới, nhiều giống nhập nội trồng vùng khí hậu không hợp lý nên hiệu quả còn thấp, nguồn giống chưa dồi dào, chưa nghiên cứu chuyển giao được quy trình nhân giống đảm bảo chất lượng, chưa có quy trình thâm canh thích hợp tạo sản phẩm chất lượng cao.

Người dân trong vùng chủ yếu tập trung mở rộng diện tích trồng, nhân giống theo phương thức chiết cành trên cây tận dụng, không đủ điều kiện đầu tư hoặc đầu tư rất thấp cho các vườn quả, không đốn tỉa tạo tán, không phòng trừ sâu bệnh kịp thời... dẫn đến chất lượng sản phẩm quả ngày càng thấp, thị trường tiêu thụ khó chấp nhận. Nhìn chung, các đề tài nghiên cứu hiện tại vẫn còn rất manh mún, mới đề cập đến một số vấn đề, chưa đáp ứng được yêu cầu bức xúc của sản xuất hiện nay. Vì vậy, giá trị sản phẩm của đa số cây trồng không cao, ít có loại sản phẩm đặc sản của vùng có thể làm hàng hóa; hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp, do đó, việc tìm kiếm các loại cây trồng mới tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích là hết sức cần thiết.

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp và điều kiện tự nhiên của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, việc sản xuất thử nghiệm một số loại cây ăn quả ôn đới, nhất là một số giống cây có giá trị như lê, đào, dâu tây tại những vùng có điều kiện phù hợp là cần thiết, góp phần tăng hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông hộ, đồng thời đáp ứng định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp của chương trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng giai đoạn 2016-2020: ưu tiên đầu phát triển cây trồng có giá trị cao, hướng đến sản phẩm hàng hóa. Đó là lý do dự án: “*Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm một số giống cây ăn quả ôn đới nhập nội (lê, đào, dâu tây) tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*” được triển khai thực hiện.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Các loại cây ôn đới nhập nội:

- Cây giống dâu tây NewZealand: Chiều cao cây 3,5-12cm, có 6-12 lá thật, tỷ lệ sâu bệnh hại: 0%, tỷ lệ cây khác dạng < 1%, giống cây khỏe mạnh, không dị hình, ngọn phát triển tốt.

- Cây giống đào ĐML1: Cây có bầu, chiều cao cây đạt trên 45cm, đường kính gốc đạt 0,4-0,6cm, chiều cao đoạn cành ghép đạt trên 25cm, đường kính cành ghép đạt từ 0,4cm trở lên. Điểm ghép chắc liền, tròn đều trên thân chính. Bộ lá khỏe. Cây không bị sâu bệnh hại. Thời gian cây giống đã ghép được khoảng 4-5 tháng.

- Cây giống lê BV1: Cây có bầu, chiều cao cây đạt trên 45cm, đường kính gốc đạt 0,4-0,6cm, chiều cao đoạn cành ghép đạt trên 25cm, đường kính cành ghép đạt từ 0,4cm trở lên. Điểm ghép chắc liền, tròn đều trên thân chính. Bộ lá khỏe. Cây không bị sâu bệnh hại. Thời gian cây giống đã ghép được khoảng 4-5 tháng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chỉ tiêu theo dõi

** Chỉ tiêu về sinh trưởng*

Mỗi ô thí nghiệm được đánh dấu theo nguyên tắc đường chéo 5 điểm, mỗi điểm lấy 01 cây đánh dấu để theo dõi các chỉ tiêu:

+ Chiều cao cây (cm): Đo từ vị trí sát mặt đất đến độ cao nhất của cây.

+ Đường kính tán (cm): Đo lấy trung bình 2 độ rộng nhất và hẹp nhất của tán cây. Độ rộng tán (cm) được tính là trung bình của 5 cây lấy mẫu theo đường chéo gốc.

+ Đường kính thân (cm): Đo bằng thước Palme ở vị trí cách mặt đất 10cm. Đường kính thân được tính là trung bình của 5 cây lấy mẫu theo đường chéo gốc.

** Chỉ tiêu về phát triển*

+ Thời gian bắt đầu rụng lá: Tính từ thời gian có 10% số lá trên cây bắt đầu rụng.

+ Thời gian kết thúc rụng lá: Tính từ thời gian có 80% số lá trên cây đã rụng.

+ Thời gian bắt đầu ra lộc xuân: Thời gian có 10% số cành trên cây ra lộc.

+ Thời gian bắt đầu ra hoa: Thời gian có 10% số nụ trên cây nở.

+ Thời gian kết thúc nở hoa: Thời gian có 80% số hoa trên cây tàn.

* *Chỉ tiêu về mức độ nhiễm sâu bệnh hại*

Theo dõi các loại sâu, bệnh hại chính xuất hiện qua các thời kỳ sinh trưởng, phát triển.

Sâu hại: Được đánh giá theo % cây bị hại = tổng số cây bị hại/tổng số cây điều tra.

Bệnh hại: Được đánh giá theo % lá bị hại = tổng số lá bị hại/tổng số lá điều tra hoặc đánh giá mức độ nhiễm bệnh theo thang điểm từ 1-9.

* *Chỉ tiêu về năng suất*

- Tổng số quả trên cây (quả/cây): Đếm tổng số quả/cây.

- Khối lượng trung bình quả (g/quả) = Tổng khối lượng quả trong từng công thức/tổng số quả.

- Năng suất cá thể (g/cây): Cân toàn bộ số quả thu hoạch trên cây.

- Năng suất lý thuyết (tấn/ha) = Năng suất cá thể * mật độ cây/ha.

- Năng suất thực thu (tấn/ha) = Khối lượng thu được từ 1 ô thí nghiệm * 10000/10.

- Độ Brix (%): Được đo bằng máy đo độ Brix.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập được xử lý theo phương pháp thống kê toán học trên Excel 2016 và

phần mềm IRRISTAT 5.0 trên máy tính.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả xây dựng mô hình trồng đào ĐML1

1.1. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng của cây đào ĐML1

Chiều cao cây, đường kính thân và đường kính tán là những chỉ tiêu quan trọng đối với sự sinh trưởng của cây trồng nói chung và cây đào nói riêng. Các chỉ tiêu này phản ánh được sức sinh trưởng, khả năng tăng sinh khối, khả năng thích ứng của cây đối với điều kiện lập địa, đồng thời cũng nói lên được hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật tác động đến quá trình sinh trưởng của cây và có ý nghĩa quyết định đến năng suất cây trồng về sau. Kết quả nghiên cứu chiều cao cây, đường kính thân, đường kính tán của mô hình trồng thử nghiệm trồng đào ĐML1 cho thấy: sau 26 tháng trồng, cây đào sinh trưởng tốt. Trong đó, chiều cao trung bình là 168,00cm, đường kính thân trung bình 6,12cm, đường kính tán trung bình 162,00cm. Cây sinh trưởng và phát triển tốt, có khả năng thích nghi cao với điều kiện khí hậu xã Mường Lống.

1.2. Kết quả theo dõi các chỉ tiêu phát triển của đào ĐML1

Kết quả theo dõi các chỉ tiêu phát triển của cây đào ĐML1 cho thấy sự khác biệt đáng kể đặc điểm sinh trưởng của giống đào ĐML1 trồng tại



Mô hình xây dựng đào ĐML1

hợp tác xã và các hộ dân. Thời gian rụng lá đào trồng tại hợp tác xã từ ngày 20-30/11 hàng năm còn đào trồng ở các hộ dân ngày 20-30/10. Vì vậy, thời gian ra hoa và ra lộc xuân của hợp tác xã cũng muộn hơn so với đào trồng tại các hộ dân. Nguyên nhân ban đầu chủ yếu là do quá trình tia tán muộn tại các mô hình trồng đào ở các hộ dân nên thời gian rụng lá sớm hơn, đồng thời thời gian ra hoa và lộc xuân sớm hơn.

1.3. Kết quả theo dõi sâu bệnh hại đào DML1

Đào là cây ăn quả ôn đới rất mẫn cảm với sâu bệnh hại. Qua thời gian theo dõi sâu bệnh hại cây đào ở giai đoạn kiến thiết cơ bản đã phát hiện ra 2 loại sâu hại và 4 loại bệnh hại chính.

Kết quả theo dõi cho thấy, giống đào DML1 bị nhiễm sâu bệnh hại ở mức độ nhẹ, không ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây. Các loại sâu hại chính gồm rệp sáp, rệp xanh. Bệnh hại chính gồm phòng lá, rỉ sắt, chảy gôm, bệnh đốm lá. Trong đó, bệnh rỉ sắt và bệnh chảy gôm là 2 bệnh xuất hiện và gây hại phổ biến trong giai đoạn này, còn các loại sâu và bệnh khác tỷ lệ hại thấp hơn. Tuy nhiên đây mới là ở giai đoạn đầu chưa thấy xuất hiện đối tượng gây hại nguy hiểm, tiếp tục chăm sóc và theo dõi trong thời gian tới.

2. Kết quả xây dựng mô hình trồng thử nghiệm lê BV1

2.1. Kết quả theo dõi chiều cao cây, đường kính gốc, đường kính tán của cây lê

Chiều cao cây, đường kính gốc của cây, đường kính tán là những chỉ tiêu quan trọng phản ánh sinh trưởng của cây và có ý nghĩa quyết định một phần đến năng suất cây trồng về sau. Kết quả nghiên cứu chiều cao cây của mô hình trồng thử nghiệm lê BV1 cho thấy: cây

sau 26 tháng trồng, cây có chiều cao trung bình 1,33m, đường kính gốc bình quân 6,12cm, đường kính tán trung bình 162,00cm. Qua kết quả theo dõi cho thấy giống lê BV1 bước đầu sinh trưởng tốt với điều kiện khí hậu tại xã Mường Lống.

2.2. Kết quả theo dõi sâu bệnh hại lê BV1

Đối với các cây trồng nói chung và cây lê nói riêng, sâu và bệnh là đối tượng gây tổn thất đến năng suất và sản lượng rất cao, đặc biệt khi ẩm độ không khí cao, mưa phùn, nhiệt độ ẩm tạo điều kiện cho sâu bệnh hại phát triển làm ảnh hưởng rất lớn tới sinh trưởng, năng suất, chất lượng quả.

Kết quả theo dõi sâu bệnh hại cho thấy, các giống lê BV1 khả năng chống chịu sâu bệnh hại tốt, tỷ lệ nhiễm bệnh thấp, mức độ gây hại nhẹ. Sâu hại lê chủ yếu ở lá và thân, đối tượng gây hại chính là rệp sáp, bọ net và sâu đục thân. Đối với bệnh hại lê: Đối tượng gây bệnh chính trên cây lê là bệnh rỉ sắt, phấn trắng và thối thân. Tỷ lệ nhiễm bệnh của giống lê BV1 đối với các bệnh rỉ sắt xuất hiện gây hại ở mức trung bình còn các loại bệnh hại khác xuất hiện ít, gây hại nhẹ. Sử dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại lê theo quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp đã hạn chế được tác hại do sâu bệnh gây ra.

3. Kết quả xây dựng mô hình trồng thử dâu tây

Dự án đã trồng được 1.000m² cây dâu tây trong nhà màng của Hợp tác xã Bảo tồn và Phát triển cây đào Mường Lống.

3.1. Kết quả theo dõi chiều cao cây, số lá và đường kính tán của giống dâu tây Newzealand

Chiều cao cây, số lá và đường kính tán là chỉ tiêu phản ánh quá trình sinh trưởng của cây trồng. Chỉ tiêu này đạt kết quả tốt sẽ tạo điều kiện cho các bộ phận khác như thân, lá... của cây phát triển mạnh trong một giai đoạn phù hợp và góp phần cho năng suất cao. Kết quả theo dõi sinh trưởng về chiều cao, lá và chiều rộng tán cho thấy: Tại thời điểm 150 ngày sau trồng (NST), chiều cao cây trung bình 18,00cm, số lá/thân chính trung bình 19,50 lá/thân; đường kính tán trung bình 25,00cm. Đây là thời kỳ cây bước vào giai đoạn ra hoa, đậu quả lứa đầu tiên, thời kỳ cây cần dinh dưỡng nhiều nhất để tập trung nuôi quả. Vì vậy, cần tác động các biện pháp kỹ thuật phù hợp để tăng năng suất dâu tây. Kết quả cũng cho thấy dâu tây sinh trưởng khá tốt

trong nhà màng tại điều kiện tự nhiên xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn. Giai đoạn sinh trưởng mạnh nhất là giai đoạn cây dâu tây từ 30 NST đến 120 NST, thân lá phát triển mạnh. Tốc độ tăng trưởng chiều cao cây, số lá, đường kính tán trong giai đoạn từ 60-90 ngày và 90-120 ngày tăng nhanh và dần ổn định vào giai đoạn cuối (120-150 ngày). Do vậy, trong quá trình trồng thâm canh cần chú ý tới các biện pháp kỹ thuật hợp lý để cung cấp đầy đủ dinh dưỡng. Bón quá nhiều thì có thể làm cho cây sinh trưởng không cân đối, chất lượng không cao, ngược lại nếu bón quá ít thì cây sinh trưởng kém, không phát huy hết tiềm năng năng suất.

3.2. Kết quả theo dõi các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất dâu tây Newzealand

Năng suất dâu tây được quyết định bởi nhiều yếu tố như số lượng hoa, số lượng quả, số lượng quả hữu hiệu, khối lượng quả... Kết quả theo dõi các yếu tố cấu thành năng suất dâu tây cho thấy:

- Năm 2020, thu hoạch được 3 lứa quả dâu tây có thời gian sinh trưởng đã được 11 tháng sau trồng (TST) đối với dâu tây trồng đợt 1 và 10 TST đối với dâu tây trồng đợt 2. Số quả/cây thu được đợt 1 (21/01/2020) là $24,67 \pm 0,022$ quả, số quả/cây thu được từ đợt 2 là $18,50 \pm 0,056$ quả. Số quả trung bình cả 2 đợt là $21,59 \pm 0,029$ quả, khối lượng quả trung bình cả 2 đợt là $11,78 \pm 0,045$ g. Năng suất thực thu của dâu tây thu được năm 2020 là 4,03 tấn/ha.

- Năm 2021, thu hoạch được 5 lứa. Đây là giai đoạn dâu tây phát triển mạnh nhất. Số quả/cây trung bình là $41,50 \pm 0,333$ quả; số quả/cây đợt 2 là $32,00 \pm 0,167$ quả. Khối lượng quả trung bình cả 2 đợt là $12,30 \pm 0,245$ g. Năng

suất thực thu của dâu tây thu được năm 2021 là 6,06 tấn/ha.

- Năm 2022, thu hoạch được 01 lứa. Số quả/cây đợt 1 trung bình là $11,50 \pm 0,333$ quả; số quả/cây đợt 2 là $8,50 \pm 0,011$ quả, khối lượng quả trung bình cả 2 đợt là $12,50 \pm 0,053$ g. Năng suất thực thu của dâu tây thu được năm 2022 là 1,43 tấn/ha.

3.3. Kết quả theo dõi sâu bệnh hại dâu tây Newzealand

Dâu tây Newzealand khá miễn cảm sâu bệnh hại với điều kiện khí hậu xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn.

Qua kết quả theo dõi cho thấy dâu tây Newzealand thường bị rất nhiều sâu bệnh hại cụ thể như sau:

- Sâu hại: Một số sâu hại như bọ trĩ, nhện gây hại ở mức nhẹ với tần suất xuất hiện ít. Ngoài côn trùng gây hại thì dâu tây thường bị chuột gây hại ở mức trung bình.

- Bệnh hại: Dâu tây bị rất nhiều bệnh hại từ mức trung bình đến và gây hại nặng, đặc biệt như bệnh phấn trắng (*Pythium* và *Fusarium* spp). Bệnh gây hại hầu hết các thời gian trong năm (tháng 1-8), hại các bộ phận thân, lá, quả. Đây là bệnh khá nguy hiểm đối với cây dâu tây và lây lan khá nhanh. Bên cạnh đó, bệnh mốc xám quả và bệnh thối đen rễ cũng là 2 bệnh thường xuất hiện và gây hại nặng. Ngoài các bệnh do vi sinh vật gây ra thì bệnh do rối loạn sinh lý như khi trời lạnh, nhiệt độ quá thấp làm cho nhị hoa bị chết dẫn đến hoa có màu nâu, một số hoa đã thụ phấn sống sót làm cho hoa bị biến dạng. Trong điều kiện này thì cây sinh trưởng kém và miễn cảm với sâu bệnh.

3.4. Kết quả theo dõi các yếu tố cấu thành chất lượng của dâu tây Newzealand

Trong sản xuất nông nghiệp, bên cạnh yếu tố năng suất thì chất lượng quả là một yếu tố vô cùng quan trọng liên quan trực tiếp đến giá trị hàng hóa, chất lượng quả bao gồm chất lượng bên ngoài (kích thước, hình dạng, trọng lượng...) và chất lượng bên trong (độ Brix, axit tổng số, hàm lượng các loại vitamin...). Một trong những yếu tố về chất lượng mà người tiêu dùng quan tâm là độ Brix (%). Kết quả theo dõi cho thấy độ ngọt trung bình của dâu tây là 7,82%. Trong đó, năm đầu tiên, độ ngọt trung bình là 7,60%, từ năm thứ 2, sau khi trồng độ ngọt tăng dần và đạt trung bình 8,43%. Thời gian sinh trưởng về sau, độ ngọt giảm dần, cụ thể năm thứ 3 là 7,43%. Như vậy, đối với cây dâu tây, thời gian cho quả ngọt nhất là thời gian khoảng năm thứ 2 sau khi trồng.

Ngoài ra, chất lượng của dâu tây cũng phụ thuộc rất nhiều vào các biện pháp kỹ thuật, đặc biệt chế độ dinh dưỡng hợp lý. Vì vậy căn cứ vào chất lượng dâu tây qua các thời kỳ sinh trưởng cũng như áp dụng chế độ dinh dưỡng giúp chất lượng dâu tây tốt hơn đáp ứng nhu cầu thị trường.

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

1. Hiệu quả kinh tế

- Mô hình trồng đào ĐML1 và lê BV1 sau 26 tháng trồng, cây sinh trưởng tốt, thích nghi với điều kiện tự nhiên thực địa và có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt. Đây là giai đoạn kiến thiết cơ bản, vì vậy để đánh giá hiệu quả kinh tế cần tiếp tục chăm sóc, theo dõi mô hình.

- Mô hình trồng dâu tây: Sản lượng đạt được trong năm 2020 và 2021 là 1,09 tấn, mỗi tấn quả thu hoạch có giá trung bình 180.000.000 đồng, cho doanh thu 207.000.000 đồng. Lợi nhuận sau 2 năm thu được 49.466.667 đồng.

2. Hiệu quả xã hội

Thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn và chuyển giao công nghệ, cán bộ kỹ thuật và công nhân của hợp tác xã sẽ được nâng cao tay nghề, đảm bảo sự phát triển bền vững của hợp tác xã. Bên cạnh đó, sự hoạt động hiệu quả của hợp tác xã sẽ là nơi để tất cả người dân có thể tham quan, học tập kinh nghiệm, nhân rộng, phát triển những giống đào, lê, dâu tây nhập nội chất lượng trên địa bàn xã Mường Lống nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung.

Dự án được thực hiện trên địa bàn xã Mường Lống sẽ góp phần tạo công ăn việc làm cho bà con khi mở rộng quy mô, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên diện tích đất sản xuất nông lâm nghiệp.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình triển khai dự án cho thấy các loại cây ôn đới nhập nội (đào, lê, dâu tây) có

thể có khả năng thích nghi tốt tại Nghệ An.

- Mô hình trồng đào ĐML1: Đào ĐML1 sau 26 tháng trồng sinh trưởng tốt, chiều cao cây trung bình 168cm; đường kính gốc bình quân 6,12cm, đường kính tán trung bình 162cm. Đào ĐML1 bắt đầu ra hoa và cho quả bói. Đây là giống đào có khả năng chống chịu sâu bệnh hại tốt, thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên tại xã Mường Lống.

- Mô hình trồng lê BV1: Giống lê BV1 sinh trưởng tốt với điều kiện khí hậu tại xã Mường Lống. Cây sau trồng 26 tháng có chiều cao trung bình 133cm, đường kính gốc bình quân 6,12cm, đường kính tán trung bình 162cm. Khả năng chống chịu với sâu bệnh hại tốt.

- Mô hình trồng dâu tây: Giống dâu tây Newzealand sau 02 năm trồng có tỷ lệ sống của dâu tây tại vườn trung bình đạt 83,74%. Đến thời điểm 150 NST, chiều cao trung bình 18cm, số lá/thân 19,5 lá, đường kính tán 24,9cm. Đây là thời điểm cho quả thu hoạch. Dâu tây Newzealand trồng tại Mường Lống có độ ngọt trung bình là 7,82%. Năng suất bình quân năm thứ nhất là 4,03 tấn/ha, năm thứ 2 là 6,06 tấn/ha, năm thứ 3 mới thu hoạch được 01 lứa là 1,43 tấn/ha. Dâu tây Newzealand là loài rất mẫn cảm với sâu bệnh hại, đặc biệt là bệnh phấn trắng gây hại trên diện rộng.

2. Kiến nghị

- Sau khi kết thúc dự án, hợp tác xã đang tiếp tục duy trì mô hình trồng các loại cây ôn đới (đào, lê, dâu tây) tại xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An, UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ về giống, kỹ thuật trồng các loại cây ăn quả ôn đới nhập nội cho các hộ nông dân trên địa bàn huyện Kỳ Sơn, đồng thời tạo điều kiện cho Hợp tác xã Bảo tồn và Phát triển cây đào Mường Lống theo dõi, đánh giá thêm các chỉ tiêu để hoàn thiện quy trình phù hợp nhất trong điều kiện Nghệ An./.